

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV** Năm học: **23-24**
Mã MH/MĐ: **MH002146** Học kỳ: **01**
Tên MH/MĐ: **Luật Thương mại**
Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988			10	10	10.0	10.0			10.0		10.0
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984			10	9	9.0	9.0			10.0		9.7
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998			9	9	7.0	9.0			10.0		9.3
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980			8	9	9.0	9.0			10.0		9.5
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992			10	9	9.0	9.0			10.0		9.7
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982			9	9	8.0	10.0			10.0		9.6
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979			9	9	10.0	8.0			9.5		9.3
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996			8	9	7.0	9.0			10.0		9.3
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993			10	9	9.0	9.0			10.0		9.7
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983			10	9	9.0	9.0			10.0		9.7
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992			8	9	7.0	8.0			10.0		9.1
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984			10	9	9.0	9.0			9.5		9.4
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990			10	9	9.0	9.0			10.0		9.7
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992			8	8	9.0	8.0			10.0		9.3
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996			9	9	9.0	9.0			9.5		9.3
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991			9	9	9.0	9.0			9.5		9.3

Châu Đốc, ngày 27 tháng 8 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Thúy Ngọc